

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 359/2026/DS-PT

Ngày: 24-03-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 464/2025/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị G, sinh năm 1978, CCCD số 080178013623; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Số G đường H, phường L, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2025, có mặt.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971, CCCD số 080071009022; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh.

2/ Bà Dương Thị Thu T, sinh năm 1974, CCCD số 080174012800; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn ông L, bà T: Ông Trương Thanh H,

sinh năm 1962; địa chỉ: số D đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/11/2025, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hồ Văn Đ trình bày:

Bà Dương Thị Thu T là hộ hàng gần nhà, vợ chồng bà Dương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L có nhiều đất đai, kinh doanh vật liệu xây dựng và còn cho người khác vay đáo hạn ngân hàng nên bà Bùi Thị G có cho bà T, ông L vay mượn nhiều lần tiền để bà T, ông L cho vay đáo hạn ngân hàng. Tính đến ngày 21/10/2024, tổng số tiền bà T, ông L đã vay của bà G là 6.300.000.000 (Sáu tỷ ba trăm triệu) đồng, trong đó tiền của bà G cho bà T, ông L vay mượn là 4.500.000.000 đồng và tiền bà T nhờ bà G vay của bà Nguyễn Thị T1 là 1.800.000.000 đồng (nhưng bà G là người ký nhận nợ với bà T1 và bà G đã trả đầy đủ cho bà T1 số tiền 1.800.000.000 đồng), theo Giấy ghi tiền nợ ngày 01/9/2024 (số tiền 3.600.000.000 đồng); Giấy ghi nợ ngày 13/9/2024 (số tiền 400.000.000 đồng) và tin nhắn zalo với bà T ngày 21/10/2024 (số tiền 2.300.000.000 đồng). Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà T, ông L thanh toán tiền nợ, nhưng bà T hứa hẹn nhiều lần và hẹn đến cuối tháng 10/2024 sẽ trả đủ tiền. Nhưng đến đầu tháng 11/2024 bà T vẫn không trả tiền cho bà G, gọi điện thoại cho bà T thì không liên lạc được.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm hại nên bà G khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu bà Dương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L liên đới trả cho bà Bùi Thị G số tiền đã vay là 6.300.000.000 (Sáu tỷ ba trăm triệu) đồng.

- Yêu cầu bà Dương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới thanh toán lãi suất phát sinh với mức lãi suất và thời gian trả lãi theo quy định pháp luật từ tính đến ngày có quyết định/bản án của Tòa án.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Dương Thị Thu T, ông Trương Thanh H trình bày: bà T có thừa nhận: “Bà Bùi Thị G cho bà Dương Thị Thu T vay số tiền sau khi kết toán tiền vốn và lãi là 6.300.000.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm triệu) việc vay nợ trên không thể chấp, lãi suất tính 2,5% đến 3% ngày, thời hạn vay: Không có thời hạn vay. Mục đích của bà Dương Thị Thu T vay tiền của bà Bùi Thị G là để cho ông Võ Tấn C có địa chỉ; ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh và bà Nguyễn Thị Kim L1 có địa chỉ: xã H, tỉnh Tây Ninh mượn để đáo hạn ngân hàng”.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị G, bà T có ý kiến như sau:

- Bà Dương Thị Thu T đồng ý trả cho bà Bùi Thị G số tiền 6.300.000.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm triệu), đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật như yêu cầu của bà G, tính đến ngày xét xử.

- Bà T không đồng ý với yêu cầu của bà G về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả nợ với số tiền: 6.821.260.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm hai mươi một triệu hai trăm sáu chục ngàn). Bà T xác định đây là khoản nợ riêng của bà G và ông Nguyễn Văn L không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ này. Bởi lẽ, khi vay nợ, ông Nguyễn Văn L không tham gia ký kết và không biết về việc vay nợ của bà Dương Thị Thu T với bà Bùi Thị G. Ông Nguyễn Văn L chỉ biết khi bà G đến nhà đòi nợ và khi Cơ quan cảnh sát điều tra mời bà T làm việc. Ông L và bà T không còn là vợ chồng từ ngày 02/12/2024.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L, ông Trương Thanh H trình bày: Ông Nguyễn Văn L không biết việc bà Dương Thị Thu T vay tiền của bà Bùi Thị G, đến khi bà Bùi Thị G đến đòi tiền bà Dương Thị Thu T và cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L (nay là tỉnh Tây Ninh) mời ông L và bà T làm việc thì ông Nguyễn Văn L mới biết nên ông L yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị G yêu cầu ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả nợ với số tiền: 6.821.260.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm hai mươi một triệu hai trăm sáu chục ngàn) cho bà Bùi Thị G.

Ông L xác định đây là khoản nợ riêng của bà Dương Thị Thu T. Ông Nguyễn Văn L không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ này. Bởi lẽ, khi vay nợ, ông Nguyễn Văn L không tham gia ký kết và không biết về việc vay nợ của bà Dương Thị Thu T với bà Bùi Thị G. Đồng thời, bà Dương Thị Thu T vay tiền của bà Bùi Thị G không nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị Thu T cũng đã ly hôn từ ngày 02/12/2024; trong thời kỳ hôn nhân ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị Thu T không có tài sản chung; các thửa đất mà bà G trình bày trên là tài sản riêng của ông L, được cha mẹ tặng cho riêng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là hàng xóm gần nhà của bà Bùi Thị G, đối với ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị Thu T thì bà không có quan hệ làm ăn chung. Khoảng tháng 9 năm 2024, bà có cho bà G mượn nhiều lần tiền, tổng số tiền mượn là 1.800.000.000 đồng, bà G có nói cho bà biết là bà G mượn để cho ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị Thu T mượn đáo hạn Ngân hàng và có yêu cầu bà chuyển khoản trực tiếp cho bà T số tiền mà bà cho bà G mượn. Đến ngày 26/11/2024, bà G đã thanh toán cho bà đầy đủ số tiền đã mượn là 1.800.000.000 đồng, còn việc bà T và ông L đã trả lại tiền mượn cho bà G chưa thì bà không rõ, vì không có liên quan đến bà. Nay bà không có ý kiến, yêu cầu gì vì bà G đã trả cho bà đủ số tiền 1.800.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 464/2025/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị G về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L.

1.1. Buộc bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị G số tiền đã vay là 6.300.000.000 đồng.

1.2. Buộc bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị G tiền lãi là 693.000.000đồng.

Tổng số tiền bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị G là 6.993.000.000 đồng (Sáu tỷ chín trăm chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc bà Dương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L liên đới chịu 114.993.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

H1 lại cho bà Bùi Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.411.000 đồng theo Biên lai thu số 0005059 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 04/12/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận việc ông phải liên đới cùng bà Dương Thị Thu T trả nợ cho bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Trương Thanh H bày:* Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm thu thập thêm tài liệu chứng cứ từ cơ quan cảnh sát điều tra hồ sơ vay nợ hoặc là lừa đảo của bà G1 và bà T. Cần làm rõ các chứng cứ và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị G yêu cầu ông Nguyễn Văn L liên đới trả số nợ là 6.993.000.000 đồng, ông L xác định đây là khoản nợ riêng của bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L không có nghĩa vụ liên trả khoản nợ này bởi lẽ khi vay nợ ông L không tham gia ký kết và không biết về khoản vay nợ giữa bà Dương Thị Thu T và bà Bùi Thị G. Ông L chỉ biết sự việc khi bà G đến nhà đòi nợ và cơ quan Cảnh sát điều tra mời làm việc ông L mới biết sự việc trên. Đồng thời cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định bà Dương Thị Thu T vay tiền của bà Bùi Thị G nhằm cho ông C và bà L1 vay lấy lời để giao cho bà G. Số tiền trên bà T vay số tiền trên không nhằm mục đích nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ông L và bà T hiện tại đã ly hôn, tài sản của ông L là tài sản riêng của cha mẹ ông L tặng cho ông

L. Riêng trách nhiệm chứng minh việc vay nợ trên, đề nghị Hội đồng xét xử thu thập chứng cứ từ Cơ quan cảnh sát điều tra để xác định ông L có tham gia vào việc vay nợ và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà G.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Hồ Văn Đ trình bày:* Nguyên đơn thống nhất bản án sơ thẩm, buộc bà T và ông L liên đới trả số tiền vay và lãi phát sinh. Việc bà T cho bà G vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông L, sự việc vay tiền diễn ra thời gian dài từ tháng 3 đến tháng 11/2024, mục đích bà T vay tiền để cho vay lại để đáo hạn. Việc cho vay đáo hạn diễn ra xuyên suốt trong thời gian dài và số tiền cho vay hàng trăm triệu đến hàng tỷ đồng thể hiện tại lời khai của bà T tại cơ quan cảnh sát điều tra, số lãi thu được từ vài chục triệu đến vài trăm triệu đồng, tạo thu nhập lớn cho gia đình. Bà T nhiều lần hứa sẽ xử lý các thửa đất của ông L để thanh toán nợ cho bà G. Khi bà G đến nhà yêu cầu bà T trả tiền, thì ông L hứa sẽ trả tiền cho bà G. Việc bà T vay tiền của bà G để cho bà L1 vay lại và trong giấy vay tiền ngày 08/11/2024 bà T và ông L cùng đứng tên, cùng ký tên cho bà L1 vay số tiền là 2.984.513.000 đồng. Ông L không có tài liệu chứng minh việc bà T vay tiền của bà G nhằm mục đích cá nhân. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy mượn tiền, tin nhắn zalo (bl- 28, 35, 36) do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn bà T, xác định bà T có nợ bà G số tiền 6.300.000.000 đồng và bà T đồng ý trả tiền vay và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nên ghi nhận.

Đối với ông L cho rằng nợ riêng của bà T với bà G không liên quan đến ông nên không có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ cho bà G. Thấy rằng, mặc dù các Giấy nhận nợ và chốt nợ chỉ một mình bà T ký và chốt nợ nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông L tồn tại (ly hôn ngày 02/12/2025), đồng thời mục đích bà T vay tiền là cho người khác vay lại để sinh lời nhằm tạo thu nhập cho cá nhân bà T nói riêng và cho gia đình bà T, ông L nói chung, như vậy mục đích cuối cùng cũng là đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, bản án sơ thẩm buộc ông L có trách nhiệm liên đới với bà T trả nợ cho bà G là có căn cứ. Ông L kháng cáo không có căn cứ chấp nhận

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị T1 có đơn xin vắng tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L:

[2.1] Xét thấy, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Dương Thị Thu T thừa nhận bà T có vay bà Nguyễn Thị G1 số tiền 6.300.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên, cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bị đơn bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G1 số tiền vay là 6.300.000.000 đồng cùng 693.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: xét thấy bà Dương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đăng ký ngày 20/6/2007. Đến ngày 02/12/2024 hai bên ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 824/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh. Thấy rằng, khoản nợ 6.300.000.000 đồng của bà T với bà G1 phát sinh trong khoản thời gian từ ngày 01/9/2024 đến ngày 21/10/2024, là khoản thời gian giữa bà Dương Thị Thu T với ông Nguyễn Văn L còn mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày mục đích sử dụng vay số tiền 6.300.000.000 đồng của bà G1 là cho ông Võ Tấn C, bà Nguyễn Thị Kim L1 vay để đáo hạn ngân hàng, nhằm hưởng chênh lệch tiền lãi cho bản thân, được thực hiện trong thời gian còn hôn nhân hợp pháp với ông L nên có căn cứ xác định số tiền chênh lệch có được là nhằm tạo thu nhập cho gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, việc nguyên đơn bà G1 yêu cầu ông L liên đới cùng bà T trả nợ vay cho bà G1 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 25 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông L cho rằng các khoản nợ là nợ riêng của bà T, ông không có trách nhiệm, không liên quan đến các khoản nợ và không đồng ý liên đới trả nợ là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông L cùng liên đới với bà T trả số nợ trên cho bà G1 là có căn cứ.

[2.3] Xét thấy, ngày 17/3/2026 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L, ông Trương Thanh H có Đơn yêu cầu về việc thu thập chứng cứ, yêu cầu Tòa án thu thập tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T các tài liệu: Đơn tố cáo; Biên bản lấy lời khai của bà T và bà G1; Biên bản đối chất giữa bà T và bà G1; Bản tự khai của bà T và bà G1; Biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn L liên quan đến số nợ giữa bà T và bà G1; Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Kết luận nội dung tố cáo theo hồ sơ đơn tố cáo của bà G1 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Thấy rằng, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Dương Thị Thu T thừa nhận có vay bà Nguyễn Thị G1 số tiền 6.300.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà T trả số nợ trên cho bà G1, do đó không

cần thiết thu thập các tài liệu, chứng cứ nêu trên như theo yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền bị đơn ông Nguyễn Văn L.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L. Quan điểm phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 464/2025/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25, 27 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L.

Buộc bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị G số tiền đã vay là 6.300.000.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị G tiền lãi là 693.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Dương Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị G là 6.993.000.000 (sáu tỷ chín trăm chín mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L liên đới chịu 114.993.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

H1 lại cho bà Bùi Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.411.000 đồng theo Biên lai thu số 0005059 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014250 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ông L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân